

Bản án số: 116/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 4 - 2026

V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình "Ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dư Ngọc Tuối

2. Bà Trần Thu Hận

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã G, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Văn U, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã G, tỉnh An Giang.

(Chị L có mặt; anh U có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị và anh U trước khi lấy nhau không tìm hiểu trước mà do mai mối. Sau đó, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1995 theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thường xuyên cãi vã cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh U thay đổi tính tình, sống thiếu trách nhiệm với vợ, con. Chị và

anh U đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được nữa nên chị quyết định xin ly hôn. Về con chung: Có 03 con chung gồm: Hồ Thị N - sinh ngày 08/8/1996, Hồ Thị V - sinh ngày 09/8/1998 và Hồ Trung H - sinh ngày 16/11/2007, các con đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/2/2026 anh Hồ Văn U trình bày:

Anh và chị L có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 1995 nhưng cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 03 người con chung nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa chị và anh U. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự có mặt của đương sự: Anh Hồ Văn U có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh U không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh U.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn U thống nhất trình bày: Trước khi anh chị tiến tới hôn nhân không tìm hiểu trước mà do mai mối và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1995 theo phong tục tập quán địa phương nhưng cho đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Theo chị L thì chị và anh U chung sống hạnh phúc đến năm 2024 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm và cách sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh U đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn U. Phía anh U thì cho rằng mâu thuẫn từ việc tiền bạc, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị L và anh U trình bày mâu thuẫn dẫn đến anh chị ly hôn không thống nhất nhưng nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh U cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin

ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị L và anh U không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn U xác định có 03 con chung là Hồ Thị N - sinh ngày 08/8/1996, Hồ Thị V - sinh ngày 09/8/1998 và Hồ Trung H - sinh ngày 16/11/2007. Hiện các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh U xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải nộp là 300.000 đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 300472 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị L đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn U là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 03 con chung gồm Hồ Thị N - sinh ngày 08/8/1996, Hồ Thị V - sinh ngày 09/8/1998 và Hồ Trung H - sinh ngày 16/11/2007. Các cháu đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh U xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu số 300472 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Chị L đã nộp xong.

5. Chị Nguyễn Thị L và anh Hồ Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; Chị L được tính kể từ ngày tuyên án, anh U được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết của Tòa án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, cùng cấp;
- Phòng thi hành án;
- Dương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên